

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số:41/2019/HNGĐ-PT
Ngày 18/11/2019
V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

-Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các thẩm phán: Ông Ong Thân Thắng
Bà Phạm Thị Minh Hiền

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2019/TLPT-HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2019 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 72/2019/HNGĐ-ST ngày 06/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/QĐ-PT ngày 21/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2019/QĐ-PT, ngày 06/11/2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Vi Thị A, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Nhà R, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

-Bị đơn: Đào Mai M, sinh năm 1986 (có mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

-Người kháng cáo: Bị đơn anh Đào Mai M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Vi Thị A trình bày:

Chị và anh Đào Mai M có được tìm hiểu tự nguyện cùng nhau ký kết giấy đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, Bắc Giang vào ngày

24/11/2014, hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương vào ngày 21/10/2014 (âm lịch). Sau ngày cưới chị về gia đình anh M làm dâu, tình cảm ban đầu hạnh phúc. Đầu năm 2015, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do chị và anh M không hợp nhau, bất đồng quan điểm, lối sống, không bảo ban được nhau, không tôn trọng nhau, đến cuối năm 2015 chị bỏ về bên ngoại sống ly thân anh M, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, chị nhiều lần điện thoại liên lạc, nói chuyện yêu cầu anh M về Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh M không về và bảo chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh M không về Tòa án để giải quyết việc chị xin ly hôn, nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh M sinh được 01 con chung là cháu Đào Mỹ D, sinh ngày 07/11/2015. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục trông nom, giáo dục, nuôi dưỡng cháu D. Đối với việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chị không đề cập Tòa án xem xét giải quyết.

Tài sản chung, riêng, đất ruộng nông nghiệp và công nợ: Chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh Đào Mai M, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và trực tiếp đến gia đình để giao và niêm yết các giấy tờ theo quy định của pháp luật, nhưng anh M không chấp hành, ông Đào Mai T là bố đẻ anh M trình bày:

Gia đình ông có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương cho anh Đào Mai M và chị Vi Thị A vào năm 2014, sau ngày cưới chị A về gia đình ông làm dâu. Việc chị A và anh M xảy ra mâu thuẫn là do anh M con trai ông đi làm kinh tế, ít khi về gia đình. Ông chỉ biết con trai đi làm xa, nay chỗ này mai chỗ khác, thỉnh thoảng vẫn điện thoại liên lạc, nói chuyện cùng với gia đình. Ông đã nhận tất cả các loại văn bản giấy tờ của Tòa án, ông cam kết có trách nhiệm thông báo cho anh M. Nay chị A có đơn, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho chị A và anh M được ly hôn theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên, bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 72/2019/HNGĐ-ST ngày 06/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện L đã áp dụng khoản 1 Điều 28 Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 227; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 6; 26, điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị A.

-Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vi Thị A được ly hôn anh Đào Mai M.

Về con chung: Giao cháu Đào Mỹ D, sinh ngày 07/11/2015 cho chị Vi Thị A tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Sau khi ly hôn anh Đào Mai M có quyền được thăm nom con không ai được cản trở. Đối với việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chị Vi Thị A không đề cập giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, riêng, đất ruộng nông nghiệp và công nợ: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Vi Thị A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình. Nhưng được trừ vào số tiền đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền dự phí số: AA/2016/0003450, ngày 02/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Ngày 17/9/2019 anh Đào Mai M kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần giải quyết nuôi con chung, ngày 01/10/2019 anh M nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Anh M kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm giao con chung là cháu D cho chị A nuôi. Đề nghị hủy bỏ việc giao con cho chị A vì hiện nay cháu D đang ở cùng anh sống rất vui vẻ, khỏe mạnh và hạnh phúc và được sự yêu thương, chăm sóc của anh.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn chị Vi Thị A vắng mặt, anh Đào Mai M không rút đơn kháng cáo. Do vắng mặt chị A nên không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Anh Đào Mai M trình bày: Anh kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm giao con chung là cháu Đào Mỹ D cho chị A nuôi. Vì anh và chị A kết hôn năm 2014 đến tháng 11/2015 thì chị A sinh cháu D, khi cháu D được 6 tháng tuổi chị A bỏ con cho anh nuôi từ đó đến nay. Anh đã chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D từ đó đến nay, cháu vẫn khỏe mạnh và phát triển bình thường. Từ khi chị A bỏ cháu D cho anh nuôi từ năm 2016 đến nay, chị A không thăm con, không chu cấp nuôi con. Khi xét xử sơ thẩm anh đi làm ăn xa nhưng vẫn gửi tiền về nuôi con và cháu D do bố mẹ anh chăm sóc. Nay anh đã chuyển về làm gần và thường xuyên thăm con, thu nhập của anh khoảng 20 triệu đến 30 triệu đồng/tháng, anh ở cùng bố mẹ đẻ anh, khi anh đi làm thì cháu D được bố mẹ anh chăm sóc chu đáo, cháu đi học mẫu giáo gần nhà. Anh được biết chị A có quan hệ với người khác và có một con chung tên là Nguyễn Nhật A, sinh ngày 06/3/2018. Văn bản này có xác nhận của Công an xã T, huyện L anh đã xuất trình cho tòa án. Nên anh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo của anh. Giao cháu D cho anh là người trực tiếp nuôi vì cháu vẫn đang ở với anh ổn định về chỗ ở và tình cảm. Chị A hiện đang có con nhỏ nếu giao cháu D cho chị A nuôi sẽ không đảm bảo việc chăm sóc con chung của anh và chị A. Anh không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án sau:

-Về việc chấp hành pháp luật của: Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chị A được triệu tập hợp lệ hai lần không đến, không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Đào Mai M có mặt tại phiên tòa

chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của anh Đào Mai M. Sửa bản án sơ thẩm.

- Về con chung: Giao cháu Đào Mỹ D, sinh ngày 07/11/2015 cho anh Đào Mai M tiếp tục trông nom giáo dục, nuôi dưỡng. Chị A có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị A thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Do sửa án sơ thẩm nên anh M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi và tranh luận tại phiên tòa. Ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Vi Thị A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị A

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị A và anh Đào Mai M kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, Bắc Giang vào ngày 24/11/2014, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2015, vợ chồng sống ly thân nhau từ cuối năm 2015 không còn quan tâm đến nhau, chị A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M. Bản án sơ thẩm xử cho chị A được ly hôn anh M. Các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về nuôi con chung: Chị Vi Thị A và anh Đào Mai M có một con chung là cháu Đào Mỹ D, sinh ngày 07/11/2015. Hiện nay cháu D đang ở cùng anh M và ông bà nội. Bản án sơ thẩm căn cứ vào điều kiện cũng như yêu cầu của chị A. Giao cháu D cho chị A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh M kháng cáo không đồng ý giao con cho chị A nuôi. Xét kháng cáo của anh M. Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm anh M trình bày khi xét xử sơ thẩm vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị A và anh thì anh đang làm việc ở thành phố Hồ Chí Minh không về tham gia phiên tòa. Anh đi làm ăn xa để kiếm tiền nuôi con, cháu D được bố mẹ anh chăm sóc chu đáo, cháu được đi học mẫu giáo. Chị A bỏ cháu D cho anh từ khi cháu D mới 6 tháng tuổi và anh vẫn nuôi cháu từ đó đến nay, chị D không thăm con, không chu cấp nuôi con. Cháu D vẫn phát triển bình thường. Hiện nay anh đã chuyển về làm gần để thường xuyên chăm con, thu nhập anh đủ điều kiện để nuôi con. Ngoài ra, căn cứ vào tài liệu anh M cung cấp thì chị A hiện nay đang nuôi con nhỏ. Hiện nay cháu D đang ở cùng anh M và ông bà. Cháu D được anh M chăm sóc nuôi dưỡng đầy đủ cả về vật chất và tinh thần. Để

ổn định tâm lý cũng như sự phát triển bình thường của cháu D Hội đồng xét xử thấy những căn cứ anh M đưa ra là có cơ sở chấp nhận để xem xét kháng cáo của anh M. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của anh Đào Mai M. Sửa bản án sơ thẩm. Giao cháu Đào Mỹ D, sinh ngày 07/11/2015 cho anh M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị A có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị A thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Các quyết định khác: của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: anh Đào Mai M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của anh Đào Mai M. Sửa bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung.

Áp dụng khoản 1 Điều 28 Điều 35; Điều 147; khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử

-Về nuôi con chung: Giao cháu Đào Mỹ D, sinh ngày 07/11/2015 cho anh Đào Mai M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn. Chị Vi Thị A có quyền được thăm nom con chung không ai được cản trở chị A thực hiện quyền này.

-Về án phí: Anh Đào Mai M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả anh Đào Mai M 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0005731 ngày 01/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;
- THADS huyện L ;
- UBND xã T, huyện L ;
- Lưu hồ sơ vụ án, THCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

